

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỘC BÌNH  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 16-4-2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Chu Mai Hương.

Ông Vi Văn Thanh.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Y H, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn:* Bà Triệu Thị Kim L là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Triệu Chòi T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bị đơn:* Bà Phạm Thị T là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 11/3/2024, các lời khai sau đó và trong quá T tiến hành tố tụng, nguyên đơn chị Y H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Chòi T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 20/01/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống không hợp nhau, thường xuyên cãi chửi và đánh nhau. Đến cuối năm 2020 chị không chịu nổi nữa nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn A, xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum sinh sống từ đó cho đến nay. Chị và anh Triệu Chòi T không liên lạc và không ai quan tâm tới ai. Chị có gọi điện cho anh Triệu Chòi T để hỏi thăm về các con nhưng anh Triệu Chòi T cũng không nghe điện thoại. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Triệu Chòi T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Chòi T, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết vắng mặt. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Triệu Duy K, sinh ngày 25/9/2017 và cháu Triệu Thị Quỳnh T, sinh ngày 08/9/2019, hiện nay đang sống cùng với anh Triệu Chòi T. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Triệu Chòi T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và chị không cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có công việc ổn định. Quá T chung sống chị và anh Triệu Chòi T không có tài sản chung gì, không vay nợ ai.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn T bày:* Chị Y H và anh Triệu Chòi T có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hiện nay đã không quan tâm, yêu thương lẫn nhau và sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y H được ly hôn với anh Triệu Chòi T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu Triệu Duy K, sinh ngày 25/9/2017 và cháu Triệu Thị Quỳnh T, sinh ngày 08/9/2019 cho anh Triệu Chòi T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung do anh Triệu Chòi T không yêu cầu và chị Y H chưa có công việc ổn định nên đề nghị chị Y H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có, đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Y H do chị Y H là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

*Tại bản khai ngày 25/3/2024 anh Triệu Chòi T trình bày:* Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Y H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 20/01/2017. Sau khi chung sống vợ chồng không hợp nhau, đến cuối năm 2020 chị Y H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống và không liên lạc gì với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Y H yêu cầu ly hôn thì anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Triệu Duy K, sinh ngày 25/9/2017 và cháu Triệu Thị Quỳnh T, sinh ngày

08/9/2019. Hiện nay đang sống cùng với anh. Khi ly hôn anh nhất trí tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị Y H cấp dưỡng nuôi con. Quá T chung sống anh và chị Y H không có tài sản chung gì, không vay nợ ai.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày cùng ý kiến với bị đơn:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y H do chị Y H yêu cầu ly hôn, anh Triệu Chòi T cũng nhất trí ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là cháu Triệu Duy K, sinh ngày 25/9/2017 và cháu Triệu Thị Quỳnh T, sinh ngày 08/9/2019 cho anh Triệu Chòi T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi do chị Y H yêu cầu anh Triệu Chòi T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và anh Triệu Chòi T cũng nhất trí, chị Y H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Triệu Chòi T chưa yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài liệu chứng cứ, việc tổng đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, T tự thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử và nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 175, Điều 177, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục chuẩn bị khai mạc phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 75, Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu ly hôn của chị Y H: Chị Y H và anh Triệu Chòi T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mẫu Sơn, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 20/01/2017. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, cuối năm 2020 chị Y H đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 5, xã Diên Bình, huyện Đắc Tô, tỉnh Kon Tum sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân, anh Triệu Chòi T không có hành động hàn gắn tình cảm. Tại bản tự khai ngày 25/3/2024 anh Triệu Chòi T xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Y H, đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng giữa chị Y H và anh Triệu Chòi T là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn và gia đình.

Về con chung: Chị Y H và anh Triệu Chòi T có 02 con chung là cháu Triệu Duy K, sinh ngày 25/9/2017 và cháu Triệu Thị Quỳnh T, sinh ngày 08/9/2019 hiện đang sống cùng anh Triệu Chòi T. Khi ly hôn chị Y H yêu cầu anh Triệu Chòi T là người trực tiếp nuôi con, chị Y H không cấp dưỡng nuôi con do chị Y H không có công việc ổn định. Xét thấy từ cuối năm 2020 khi hai vợ chồng ly thân thì các con chung là cháu K và cháu T ở với anh Triệu Chòi T, do anh Triệu Chòi T chăm sóc, anh Triệu Chòi T đồng ý nuôi con và chưa yêu cầu chị Y H cấp dưỡng. Do vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, để không xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của cháu cần giao cháu K và cháu T cho anh Triệu Chòi T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Y H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Triệu Chòi T chưa yêu cầu, chị Y H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Y H thực hiện quyền này. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Chị Y H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Y H và anh Triệu Chòi T đã được Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Y H và anh Triệu Chòi T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Triệu Chòi T, cư trú tại thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y H và anh Triệu Chòi T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 20/01/2017, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh Triệu Chòi T cho rằng vợ chồng chung sống không hợp nhau, ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, không ai liên lạc gì với nhau, xác định tình cảm vợ chồng không còn cũng nhất trí ly hôn với chị Y H. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng chị Y H và anh Triệu Chòi T đã sống ly thân, không còn quan tâm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục

đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Y H và anh Triệu Chòi T có 02 con chung là cháu Triệu Duy K, sinh ngày 25/9/2017 và cháu Triệu Thị Quỳnh T, sinh ngày 08/9/2019. Hiện nay 02 con chung đang sống anh Triệu Chòi T. Anh Triệu Chòi T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến khi con đủ 18 tuổi và chưa yêu cầu chị Y H cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyên đơn chị Y H yêu cầu anh Triệu Chòi T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi trưởng thành và chị không cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có công việc ổn định. Xét thấy 02 con chung là cháu Triệu Duy K, cháu Triệu Thị Quỳnh T đang sống với anh Triệu Chòi T được chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo phát triển đầy đủ, toàn diện và chị Y H không có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Do vậy Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu Triệu Duy K, sinh ngày 25/9/2017 và cháu Triệu Thị Quỳnh T, sinh ngày 08/9/2019 cho anh Triệu Chòi T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Y H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Triệu Chòi T chưa yêu cầu. Chị Y H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y H và anh Triệu Chòi T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Y H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số (dân tộc Xê Đăng), sống tại xã Ái Quốc, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét thấy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận .

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản a Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Y H được ly hôn với anh Triệu Chòi T. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 03, đăng ký ngày 20/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Triệu Duy K, sinh ngày 25/9/2017 và cháu Triệu Thị Quỳnh T, sinh ngày 08/9/2019 cho anh Triệu Chòi T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Y H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Triệu Chòi T chưa yêu cầu. Chị Y H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Y H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Y H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện L;
- Các đương sự; NBVQLI HP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Mai**

